

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Phước Công**;

2. Ông **Nguyễn Văn Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Tường Vi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 642/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 586/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1969: ấp A L, xã H B, huyện C M, tỉnh A G (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1969: địa chỉ: ấp A L, xã H B, huyện C M, tỉnh A G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Bình Đ trình bày: Ông và bà T sống chung với nhau vào năm 1987 đến năm 2011 vợ chồng mới đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống bà T có tính ghen tuông mỗi khi ông đi làm đi sớm về trễ, từ đó vợ chồng

không còn sống chung cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn ông yêu cầu xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thị T A, sinh ngày 16/6/1987; Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/10/2001; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/4/1995 (các con chung hiện nay đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bình Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Bình Đ xác định không có.

Bị đơn bà Võ Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Đ chung sống với nhau vào năm 1987, đến năm 2011 vợ chồng mới đăng ký kết hôn, bà và ông Đ sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ đi làm về trễ nên bà có tính ghen tuông, cuộc sống hàng ngày cũng thỉnh thoảng có qua lại khi có công việc cần, hiện tại bà vẫn còn thương ông Đ, mặc dù không sống chung, nhưng hàng ngày bà gặp mặt ông Đ là cũng hạnh phúc, sau này ông Đ có bệnh hay đau yếu thì bà và con tôi vẫn sẵn sàng lo cho ông Đ. Nay ông Đ xin ly hôn thì bà không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thị T A, sinh ngày 16/6/1987; Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/10/2001; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/4/1995 (các con chung hiện nay đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Thanh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Thanh T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

- Ông Nguyễn Bình Đ và bà Võ Thị Thanh T kết hôn năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H B, huyện C M ngày 17/10/2011, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T ghen tuông mỗi khi ông Đ làm ăn đi sớm về trễ và ly thân đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, ông Đ yêu cầu ly hôn với bà T. Phía bà T không đồng ý ly hôn vì còn thương ông Đ.

Xét thấy, bà T không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đồng ý để ông Đ và bà T trong thời hạn 30 ngày để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, nhưng ông Đ xác định không còn tình cảm với bà T, do đó nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và mâu thuẫn sẽ trở

nên trầm trọng hơn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông Đ là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên chấp nhận.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị T An, sinh ngày 16/6/1987, Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh ngày 19/4/1995, Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/10/2001, đều đã trưởng thành, nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Bình Đ đối với bà Võ Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Bình Đ khởi kiện bà Võ Thị Thanh T cư trú ấp A L, xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Ông Đ và bà T sống chung với nhau vào năm 1987 đến năm 2011 ông bà mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ cho rằng trong cuộc sống không có tình cảm, bà T hay có tính ghen tuông trong công việc làm ăn, bà T cũng thừa nhận là bà có tính ghen tuông trong công việc làm ăn, chỉ vì bà thương ông Đ. Tòa án đã cho ông bà thời gian hàn gắn tình cảm gia đình, trong thời gian hàn gắn tình cảm gia đình ông Đ cho rằng không thể nào hàn gắn được, bà T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa ông Đ, bà T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông Đ yêu cầu ly hôn với bà T, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....” Tại phiên tòa, ông Đ xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thị T A, sinh ngày 16/6/1987; Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/10/2001; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/4/1995 (các con chung hiện nay đã trưởng thành).

[4]. *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa ông Đ, bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] *Về nợ chung*: Tại phiên tòa ông Đ, bà T xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này.

Ghi nhận ông Đ, bà T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Đ, bà T trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Bình Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

Khoản 1 Điều 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 235, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình Đ.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Bình Đ được ly hôn với bà Võ Thị Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 224 ngày 17/10/2011 của Ủy ban nhân dân xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thị T , sinh ngày 16/6/1987; Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/10/2001; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/4/1995 (các con chung hiện nay đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bình Đ, bà Võ Thị Thanh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Bình Đ, bà Võ Thị Thanh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận ông Đ, bà T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Đ, bà T trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Ông Nguyễn Bình Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008874 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang. Ông Đ không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;0
- UBND xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn